|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**  Số: 69 /2024/QĐ-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thanh Hóa, ngày* 31 *tháng*10 *năm 2024* |

’

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 587/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh thông qua số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6286/TTr-STC ngày 28/10/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ; cụ thể như sau:

2

1. Số lượng xe ô tô bán tải để thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, phân giới cắm mốc của 46 cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 52 xe.
2. Số lượng xe ô tô bán tải để thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp của 27 trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc huyện, thị xã, thành phố là 27 xe. Riêng thành phố Thanh Hóa và thành phố Sầm Sơn có 01 xe ô tô bán tải/đơn vị để phục vụ nhiệm vụ phòng chống cháy rừng.
3. Số lượng xe ô tô bán tải để thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc, giám sát môi trường của 02 cơ quan, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là 02 xe.
4. Số lượng xe ô tô 16 chỗ ngồi để thực hiện nhiệm vụ phục vụ người có công, bảo trợ xã hội của 08 cơ quan, đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 08 xe.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh quy định là số lượng tối đa, làm căn cứ cho các cơ quan, đơn vị đề xuất tiếp nhận, điều chuyển, mua sắm xe; là cơ sở để cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xe phù hợp với nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ, nguồn hình thành tài sản của cơ quan, đơn vị, khả năng cân đối nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật), bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm

2024.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành

cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tại Điều 1 Quyết định này; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như Điều 3 Quyết định; * Văn phòng Chính phủ (để báo cáo); * Bộ Tài chính (để báo cáo); * Thường trực Tỉnh uỷ (để báo cáo); * Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo); * Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; * Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp; * Cổng TTĐT tỉnh Thanh Hóa; * Công báo tỉnh; * Lưu: VT, KTTC. (thht) | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Văn Thi** |

**Phụ lục**

**SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ BÁN TẢI, XE Ô TÔ TỪ 12 - 16 CHỖ NGỒI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH THANH HÓA, ĐỂ THỰC HIỆN QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 8 NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP NGÀY 26/9/2023 CỦA CHÍNH PHỦ**

(*Kèm theo Quyết định số:*

69 */2024/QĐ-UBND ngày*

31 *tháng* 10

*năm 2024*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa*)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cơ quan, đơn vị sử dụng** | **Chủng loại xe ô tô theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số**  **72/2023/NĐ-CP** | **Số lượng tối đa** | **Thực hiện nhiệm vụ** |
|  | **Tổng cộng (A+B)** |  | **91** |  |
| **A** | **CẤP TỈNH** |  | **62** |  |
| **I** | **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** |  | **52** |  |
| 1 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Sở) | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp. |
| 2 | Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Tổ chức cắm mốc chỉ giới trên  thực địa liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình đê điều và ở bãi sông theo quy định. |
| 3 | Chi cục Kiểm lâm |  |  |  |
| 3.1 | Cơ quan Chi cục Kiểm lâm | Xe ô tô bán tải | 3 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.2 | Đội kiểm lâm cơ động và  phòng cháy, chữa cháy rừng số 1 |  |  |  |
|  | Tổ số 1 | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
|  | Tổ số 2 | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
|  | Tổ số 3 | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.3 | Đội kiểm lâm cơ động và  phòng cháy chữa cháy rừng số 2 |  |  |  |
|  | Tổ số 1 | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
|  | Tổ số 2 | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
|  | Tổ số 3 | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.4 | Hạt Kiểm lâm thành phố  Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.5 | Hạt Kiểm lâm huyện  Mường Lát | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.6 | Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.7 | Hạt Kiểm lâm huyện Quan Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 3.8 | Hạt Kiểm lâm huyện Bá Thước | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.9 | Hạt Kiểm lâm huyện  Lang Chánh | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.10 | Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc  Lặc | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.11 | Hạt Kiểm lâm huyện Thạch Thành | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.12 | Hạt Kiểm lâm huyện Cẩm Thủy | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.13 | Hạt Kiểm lâm huyện  Thường Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.14 | Hạt Kiểm lâm huyện Thọ Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.15 | Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.16 | Hạt Kiểm lâm huyện Như  Thanh | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.17 | Hạt Kiểm lâm huyện Nông  Cống | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.18 | Hạt Kiểm lâm huyện Hà  Trung | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.19 | Hạt Kiểm lâm thị xã Nghi  Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 3.20 | Hạt Kiểm lâm Ven Biển | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 4 | Chi cục Quản lý Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Vận chuyển thiết bị kiểm tra; thiết  bị, dụng cụ lấy mẫu quan trắc, phân tích môi trường trong hoạt động sản xuất nông, lâm, thủy sản; bảo quản, vận chuyển mẫu thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm năm 2010. |
| 5 | Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 2 | Phục vụ công tác phòng, chống  dịch bệnh động vật, thủy sản, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh. |
| 6 | Chi cục Thủy sản Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp. |
| 7 | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp. |
| 8 | Chi cục Phát triển nông thôn Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phối hợp thực hiện nhiệm vụ  phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp. |
| 9 | Ban Quản lý rừng phòng hộ  Lang Chánh | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống cháy rừng |
| 10 | Ban Quản lý rừng phòng hộ  Quan Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống cháy rừng |
| 11 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Như Thanh | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống cháy rừng |
| 12 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Thường Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống cháy rừng |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 13 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Chàng | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống cháy rừng |
| 14 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Nghi Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống cháy rừng |
| 15 | Ban Quản lý rừng phòng hộ  Mường Lát | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống cháy rừng |
| 16 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống cháy rừng |
| 17 | Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 18 | Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 19 | Ban Quản lý khu bảo tồn  thiên nhiên Xuân Liên | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 20 | Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng |
| 21 | Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn | Xe ô tô bán tải | 1 | Quan trắc phân tích mẫu môi trường, nước. |
| 22 | Trung tâm khuyến nông Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phối hợp thực hiện nhiệm vụ  phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp. |
| 23 | Ban quản lý Quỹ Bảo vệ,  phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phục vụ công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai |
| 24 | Ban quản lý cảng cá Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phối hợp thực hiện nhiệm vụ  phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp. |
| 25 | Ban quản lý dự án hiện đại  hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển | Xe ô tô bán tải | 1 | Phục vụ hoạt động của dự án: Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu ven biển |
| 26 | Trung tâm Kiểm nghiệm và  Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp. |
| **II** | **Sở Tài nguyên và Môi**  **trường** |  | **2** |  |
| 1 | Đoàn Mỏ - Địa chất | Xe ô tô bán tải | 1 | Điều tra cơ bản địa chất và khoáng  sản. |
| 2 | Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường | Xe ô tô bán tải | 1 | Quan trắc phân tích mẫu, giám sát  môi trường thuộc phạm vi quản lý của địa phương. |
| **III** | **Sở Lao động - Thương binh và Xã hội** |  | **8** |  |
| 1 | Trung tâm điều dưỡng người có công Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Đưa, đón đối tượng người có công |
| 2 | Trung tâm bảo trợ xã hội Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Đưa, đón đối tượng bảo trợ xã hội đang được nuôi dưỡng tập trung. |
| 3 | Trung tâm bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Đưa, đón đối tượng bảo trợ xã hội đang được nuôi dưỡng tập trung. |
| 4 | Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Đưa, đón học viên cai nghiện |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 | Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Công tác xã hội |
| 6 | Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng người có công Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Đưa, đón đối tượng người có công |
| 7 | Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Đưa, đón học viên cai nghiện |
| 8 | Trung tâm chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Đưa, đón đối tượng xã hội; chở dụng cụ chăm sóc đối tượng tâm thần |
| **II** | **CẤP HUYỆN** |  | **29** |  |
| **1** | **Thành phố Thanh Hóa** |  |  |  |
| 1.1 | Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống cháy rừng |
| 1.2 | Trung tâm Dịch vụ nông  nghiệp thành phố Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **2** | **Thành phố Sầm Sơn** |  |  |  |
| 2.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Sầm Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| 2.2 | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống cháy rừng |
| **3** | **Thị xã Bỉm Sơn** |  |  |  |
| 3.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã Bỉm Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **4** | **Huyện Bá Thước** |  |  |  |
| 4.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Bá Thước | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **5** | **Huyện Cẩm Thủy** |  |  |  |
| 5.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Cẩm Thủy | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **6** | **Huyện Hà Trung** |  |  |  |
| 6.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Hà Trung | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **7** | **Huyện Hoằng Hóa** |  |  |  |
| 7.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Hoằng Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **8** | **Huyện Hậu Lộc** |  |  |  |
| 8.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Hậu Lộc | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **9** | **Huyện Lang Chánh** |  |  |  |
| 9.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Lang Chánh | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **10** | **Huyện Mường Lát** |  |  |  |
| 10.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Mường Lát | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **11** | **Huyện Nga Sơn** |  |  |  |
| 11.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Nga Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **12** | **Huyện Ngọc Lặc** |  |  |  |
| 12.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Ngọc Lặc | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **13** | **Huyện Như Thanh** |  |  |  |
| 13.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Như Thanh | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **14** | **Huyện Như Xuân** |  |  |  |
| 14.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Như Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **15** | **Huyện Nông Cống** |  |  |  |
| 15.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Nông Cống | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **16** | **Huyện Quan Hóa** |  |  |  |
| 16.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Quan Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **17** | **Huyện Quan Sơn** |  |  |  |
| 17.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Quan Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **18** | **Huyện Quảng Xương** |  |  |  |
| 18.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Quảng Xương | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **19** | **Huyện Thiệu Hóa** |  |  |  |
| 19.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Thiệu Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **20** | **Huyện Thường Xuân** |  |  |  |
| 20.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Thường Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **21** | **Huyện Thạch Thành** |  |  |  |
| 21.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Thạch Thành | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **22** | **Huyện Thọ Xuân** |  |  |  |
| 22.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Thọ Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **23** | **Huyện Triệu Sơn** |  |  |  |
| 23.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Triệu Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **24** | **Thị xã Nghi Sơn** |  |  |  |
| 24.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã Nghi Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **25** | **Huyện Vĩnh Lộc** |  |  |  |
| 25.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Vĩnh Lộc | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **26** | **Huyện Yên Định** |  |  |  |
| 26.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Yên Định | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| **27** | **Huyện Đông Sơn** |  |  |  |
| 27.1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Đông Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp |